

Số: 40/2014/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 8 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định một số mức chi có tính chất đặc thù trong công tác  
phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật  
cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số:..... 5283 .....
	Ngày: 20/8/14 .....
	Chuyên:.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;  
Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/6/2012;  
Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật;  
Căn cứ Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, khai thác, quản lý Tủ sách pháp luật và Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;  
Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;  
Căn cứ Nghị quyết số 21/2014/NQ-HĐND ngày 31/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (kỳ họp thứ 13, khóa XI) Quy định một số mức chi có tính chất đặc thù trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 95/TTr-STP ngày 07/8/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định một số mức chi có tính chất đặc thù trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Các mức chi khác chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở không quy định mức chi tại Điều 1 Quyết định này thì áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị, các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh được giao thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/6/2012; Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, khai thác, quản lý Tủ sách pháp luật và Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quy định về mức chi chờ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Quyết định số 57/2013/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Riêng đối với các quy định về mức chi phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở vẫn tiếp tục thực hiện theo quy định của Quyết định số 57/2013/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho đến khi có văn bản thay thế.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh ;
- Các sở, ban, ngành;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CBTH;
- Lưu: VT, NC<sub>lmc456</sub>.



**Lê Viết Chử**



**PHỤ LỤC**

Một số mức chi cơ tính chi đặc thù trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn bị kiện pháp luật cho người dân tại cơ sở  
(Kèm theo Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000đ)	Ghi chú
I	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
1	Xây dựng đề cương			
a	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương		
	- Cấp tỉnh		1.200	
	- Cấp huyện		900	
	- Cấp xã		600	
b	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương		
	- Cấp tỉnh		2.000	
	- Cấp huyện		1.500	
	- Cấp xã		1.000	
2	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch			
a	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch		
	- Cấp tỉnh		3.000	
	- Cấp huyện		2.250	
	- Cấp xã		1.500	
b	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo		
	- Cấp tỉnh		500	
	- Cấp huyện		375	
	- Cấp xã		250	
3	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý			
	Chủ trì	Người/buổi	200	
	Thành viên dự	Người/buổi	100	
4	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	500	
5	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch			

a	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200	
b	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150	
c	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	
d	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300	
đ	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200	
6	Lấy ý kiến thẩm định	Bài viết	500	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch
7	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	500	
<b>II</b>	<b>Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật</b>			
1	Thù lao báo cáo viên cấp Trung ương, cấp tỉnh	Người/buổi		Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại tiêu mục 1.1 mục 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính
2	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt	Người/buổi	300	Tuỳ theo trình độ của báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, tính chất nghiệp vụ phức tạp của từng đợt, buổi tuyên truyền, hướng dẫn
3	Thù lao cho người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật	Người/buổi		Tuỳ theo trình độ, áp dụng mức chi quy định tại khoản 1, 2 của mục này
4	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ	Người/buổi	Được hưởng thêm 20% so với mức thù	

	biên, giáo dục pháp luật, cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù		lao quy định tại khoản 1, 2, 3 mục này	
<b>III</b>	<b>Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù</b>			
1	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	1.000	
2	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	300	
3	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1.500	
4	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	5.000	
<b>IV</b>	<b>Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt</b>			
	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày	30	Không quá 1 ngày
	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	10	
<b>V</b>	<b>Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường</b>			
1	Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài)	Ngày	Tối đa 250% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính	Chi áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo
2	Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch)	Ngày	Tối đa 150% mức lương cơ sở tính theo lương ngày do Nhà nước quy	

			định cho khu vực quản lý hành chính	dục pháp luật
<b>VI</b>	<b>Chi tổ chức cuộc thi, hội thi</b>			
1	Chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác			Áp dụng Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo
a	Chi biên soạn đề thi, đáp án			
	* Thi trắc nghiệm			
	- Cấp tỉnh	Người/ngày	300	
	- Cấp huyện		220	
	- Cấp xã		150	
	* Thi tự luận			
	- Cấp tỉnh	Người/ngày	500	
	- Cấp huyện		370	
	- Cấp xã		250	
b	Chi phụ cấp cho Ban tổ chức cuộc thi			
	* Cấp tỉnh			
	- Trưởng ban	Người/ngày	280	
	- Phó trưởng ban		230	
	- Thành viên, thư ký		160	
	* Cấp huyện			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	210	
	- Phó Chủ tịch		170	
	- Thành viên, thư ký		120	
	* Cấp xã			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	140	
	- Phó Chủ tịch		110	
	- Thành viên, thư ký		80	
c	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng ra đề thi			
	* Cấp tỉnh			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	350	
	- Phó Chủ tịch		280	
	- Thành viên, thư ký		230	
	* Cấp huyện			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	260	
	- Phó Chủ tịch		210	
	- Thành viên, thư ký		170	

	* Cấp xã			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	170	
	- Phó Chủ tịch		140	
	- Thành viên, thư ký		110	
d	Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng chấm thi; Ban giám khảo; Hội đồng phúc khảo, thẩm định			
	* Cấp tỉnh			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	300	
	- Phó Chủ tịch		250	
	- Thành viên, thư ký		210	
	* Cấp huyện			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	220	
	- Phó Chủ tịch		180	
	- Thành viên, thư ký		150	
	* Cấp xã			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	150	
	- Phó Chủ tịch		120	
	- Thành viên, thư ký		100	
đ	Phúc khảo, thẩm định bài thi			
	* Chi cho cán bộ chấm phúc khảo			
	- Cấp tỉnh	Người/ngày	160	
	- Cấp huyện		120	
	- Cấp xã		80	
	* Chi cho cán bộ chấm thẩm định			
	- Cấp tỉnh	Người/ngày	160	
	- Cấp huyện		120	
	- Cấp xã		80	
2	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:			
a	Thuê dẫn chương trình			
	- Cấp tỉnh	Người/ngày	2.000	
	- Cấp huyện		1.500	
	- Cấp xã		1.000	
b	Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu			
	- Cấp tỉnh	Ngày	10.000	
	- Cấp huyện		7.500	
	- Cấp xã		5.000	
c	Thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	300	
d	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối			Thực hiện theo Thông tư số

	với cuộc thi qua mạng điện tử)			194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính
3	Chi giải thưởng			
a	Cuộc thi quy mô cấp tỉnh			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		10.000	
	+ Cá nhân		6.000	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		7.000	
	+ Cá nhân		3.000	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		5.000	
	+ Cá nhân		2.000	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.000	
	+ Cá nhân		1.000	
	- Giải phụ khác		500	
b	Cuộc thi quy mô cấp huyện			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		7.500	
	+ Cá nhân		4.500	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		5.250	
	+ Cá nhân		2.250	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.750	
	+ Cá nhân		1.500	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.250	
	+ Cá nhân		750	
	- Giải phụ khác		370	
c	Cuộc thi quy mô cấp xã			
	- Giải nhất	Giải thưởng		
	+ Tập thể		5.000	
	+ Cá nhân		3.000	
	- Giải nhì	Giải thưởng		
	+ Tập thể		3.500	
	+ Cá nhân		1.500	
	- Giải ba	Giải thưởng		
	+ Tập thể		2.500	
	+ Cá nhân		1.000	
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng		
	+ Tập thể		1.500	
	+ Cá nhân		500	
	- Giải phụ khác		250	



<b>VII</b>	<b>Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở</b>			
1	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang	75	Tính theo trang chuẩn 350 từ
2	Bồi dưỡng phát thanh			
a	Phát thanh bằng tiếng Việt	Lần	15	
b	Phát thanh bằng tiếng dân tộc	Lần	20	
<b>VIII</b>	<b>Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật</b>			
1	Chi hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật hàng năm	Từ/năm	2.000	Theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ
2	Rà soát, bổ sung, cập nhật sách định kỳ 06 tháng/lần	Lần	100	
3	Bồi dưỡng cán bộ tham gia luân chuyển sách	Lần/người	50	
<b>IX</b>	<b>Chi thực hiện thống kê, rà soát, viết báo cáo đánh giá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Chương trình, Đề án, Kế hoạch, đánh giá thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật</b>			
1	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo			
	- Cấp tỉnh	Báo cáo	50	
	- Cấp huyện		40	
	- Cấp xã		30	
2	Rà soát văn bản, tài liệu phục vụ hệ thống hóa, kiến nghị xây dựng thể chế, thực hiện chương trình, đề án	Văn bản		
	- Cấp tỉnh		50	
	- Cấp huyện		40	
	- Cấp xã		30	
3	Viết báo cáo			
a	Báo cáo định kỳ hàng năm			
	- Cấp tỉnh	Báo cáo	3.000	
	- Cấp huyện		2.250	
	- Cấp xã		1.500	

<b>b</b>	<b>Báo cáo chuyên đề</b>			
	- Cấp tỉnh	Báo cáo	3.000	
	- Cấp huyện		2.250	
	- Cấp xã		1.500	
<b>c</b>	<b>Báo cáo đột xuất</b>			
	- Cấp tỉnh	Báo cáo	1.000	
	- Cấp huyện		750	
	- Cấp xã		500	

*Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Phụ lục này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản đó./.*